

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23 tháng 01 năm 2018.
V/v Không công nhận vợ chồng
giải quyết việc nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đinh Tiến Viễn
2. Ông: Phạm Văn Ký

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại phòng xét xử. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp “ Không công nhận vợ chồng, giải quyết việc nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2017/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Trường X (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Vân T 1, xã Yên T, huyện Yên M, tỉnh Ninh B.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị N (có mặt)

Địa chỉ : Thôn Vân T 1, xã Yên T, huyện Yên M, tỉnh Ninh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Anh Đinh Trường X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị N tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống vào ngày 16/11/1993 (âm lịch) được mọi người tham dự, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do chị N nghĩ anh giữ tiền để sử dụng vào mục đích khác không lo cho gia đình, ngoài ra chị N còn nghi ngờ anh ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định giữa anh và chị N không còn tình cảm, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án công nhận anh với chị N không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị N có 3 con chung (cháu Đinh Thu H, sinh ngày 17/11/1994; cháu Đinh Hồng H1, sinh ngày 27/8/2002; cháu Đinh Trường Đ, sinh ngày 25/3/2009) Anh đề nghị Tòa án giải quyết để chị N nuôi cả hai cháu H1 và cháu Đ, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 4.000.000đồng trên tháng. Còn đối với cháu H đã thành niên nên không phải xem xét đến nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với khoản nợ bà Vũ Thị T (bà T là mẹ đẻ của chị N) Hai bên đều xác nhận trong quá trình chung sống có vay của bà T 20.000.000đồng để sinh hoạt trong gia đình. Nay bà T cho vợ chồng anh chị, bà T không yêu cầu Tòa án phải giải quyết, anh cũng đồng ý.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay: Chị Đinh Thị N xác nhận vợ chồng xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993 như anh X trình bày là đúng, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản như anh X trình bày. Sau ngày cưới vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 chị phát hiện được anh X không còn chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác nên từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị và anh X đã ly thân hơn 1 năm nay, nay anh X đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng chị cũng nhất trí. Về phần nuôi con chị cũng đề nghị xin được nuôi hai cháu H1 và cháu Đ và yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chị và anh X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại đơn đề nghị cũng như biên bản hỏi ý kiến con chưa thành niên, cháu H1 và cháu Đ có ý kiến và nguyện vọng được ở với chị N

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương về quá trình chung sống của vợ chồng anh X, chị N thể hiện anh X chị N kết hôn vào năm 1993 nhưng không đến UBND xã đăng ký kết hôn; về con chung chị N và anh X có 3 con chung (Cháu H đã học xong đại học và sống tại Hà Nội, cháu H1 và cháu Đ đang sống với chị N); điều kiện kinh tế trung bình, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: Về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền thụ lý vụ án; gửi thông báo thụ lý vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định đúng tư cách của các đương sự; việc giao nộp chứng cứ; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 14; điều 15; khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đinh Trường X, không công nhận vợ chồng giữa anh X và chị N; về con chung giao hai cháu Đinh Hồng H1 và cháu Đinh Trường Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 8.000.000 đồng/ tháng cho 2 cháu; về án phí anh X phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại phiên hòa giải đối với việc nuôi con và công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh X, chị N có hộ khẩu tại xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện Yên Mô theo Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh X có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Đinh Trường X và chị Đinh Thị N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình được quy định tại điều 8, Điều 9 nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (luật số 07/2014/L – CTN ngày 26/6/2014)

[3] Anh Đinh Trường X và chị Đinh Thị N chung sống với nhau từ năm 1993, xong hai bên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND nơi có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, trong khi đó anh X, chị N có đủ điều kiện để kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Hai người về sống chung với nhau được thời gian từ năm 1993 đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do hai bên không còn tin tưởng nhau, chị N cho rằng anh X không còn chung thủy nên hai bên đã sống ly thân hơn 1 năm, hai bên không còn quan tâm đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhau. Nay anh Đinh Trường X có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố anh chị N không phải là vợ chồng. Chị N cũng đồng ý với đề nghị của anh X. Vì vậy, cần tuyên xử công nhận anh Đinh Trường X

và chị Đinh Thị N, không phải là vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như việc hỏi ý kiến của các con chưa thành niên thể hiện: Anh X, chị N có 3 con chung (cháu Đinh Thu H, sinh ngày 17/11/1994; cháu Đinh Hồng H, sinh ngày 27/8/2002; cháu Đinh Trường Đ, sinh ngày 25/3/2009) Hai bên thống nhất thỏa thuận, đối với cháu H, hiện nay cháu đã thành niên cháu có công việc ổn định, nên không phải xem xét tới việc ai nuôi cháu H. Đối với cháu H và cháu Đạt hai bên thống nhất thỏa thuận, chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai cháu cho đến khi hai cháu thành niên; anh X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) trên tháng, kể từ tháng 11/2017 cho đến khi các cháu thành niên. Quyền và nghĩa vụ của anh X, chị N được thực hiện theo điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về công nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án. Anh X, chị N đều xác nhận có nợ bà Vũ Thị T là mẹ đẻ của chị N, số tiền 20.000.000đồng, tại phiên hòa giải bà T đã cho vợ chồng anh X, chị N số tiền nợ trên, bà T không yêu cầu Tòa án phải xem xét giải quyết. Chị N, anh X đều chấp nhận việc bà T đã cho vợ chồng anh chị. Do đó, đối với khoản nợ bà T không phải xem xét quyết định trong bản án.

[7] Về án phí: Anh Đinh Trường X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 26; điểm b, khoản 6; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đinh Trường X và chị Đinh Thị N.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị N có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Đinh Hồng H1, sinh ngày 27/8/2002 và cháu Đinh Trường Đ, sinh ngày 25/3/2009 cho đến khi các cháu thành niên. Anh Đinh Trường

X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 4.000.000đồng trên tháng cho mỗi cháu (hai cháu là 8.000.000đồng). Thời gian cấp dưỡng, theo các đương sự thỏa thuận kể từ tháng 11/2017 cho đến khi cháu H1, cháu Đạt thành niên. Anh X có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì anh Đinh Trường X còn phải trả số tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.Về án phí: Anh Đinh Trường X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự; 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng hai khoản 450.000đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh X đã nộp theo biên lai số: AA/2016/ 0001900 ngày 03/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình. Anh X còn phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được kết quả phiên Tòa hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Thắng, huyện Yên Mô;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**ĐÃ KÝ
PHAN NGỌC HÀ**

